

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/DS-ST

Ngày: 29-11-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý.

Ông Huỳnh Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/TLST-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Ngọc H, sinh năm 1965 (vắng mặt, có đơn).

Địa chỉ: Đường T, Ấp A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Vũ N, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020, nguyên đơn bà Lâm Ngọc H trình bày: Ngày 01/02/2019 al (ngày 06/3/2019 dl) bà cho vợ chồng ông Huỳnh Vũ N, bà Nguyễn Thị Thu T vay số tiền vốn 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), mục đích cho vay để

tiêu dùng trong gia đình, ông N có viết biên nhận và thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng. Ngày 09/9/2019 âm (07/10/2019 dương), ông N trả số tiền lãi được 2.100.000 đồng thì ngưng không trả vốn và lãi đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Huỳnh Vũ N và bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm liên đới trả cho số tiền vốn là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/3/2019 đến ngày 06/10/2020 tròn 19 tháng, lãi 1,66%/tháng là 18.924.000 đồng, bà đồng ý trừ số tiền lãi ông N đã trả 2.100.000 đồng. Như vậy, ông N và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vốn, lãi còn nợ là 76.824.000 đồng và tiếp tục trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 07/10/2020 đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án.

- Bị đơn ông Huỳnh Vũ N vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Kết luận giám định; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa.

- Theo bản tường trình ngày 15/3/2021, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Giữa bà và ông N là vợ chồng chung sống tại ấp 2, thị trấn Phú Lộc. Đến khoảng tháng 11/2019, trong lúc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì bà phải đi công tác tại Cần Thơ, ông N ở nhà cũng bỏ đi không rõ lý do và đến nay không trở về, bà và gia đình không liên lạc được với ông N. Bà không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với ông N về số tiền vay 60.000.000 đồng, do ông N vay mượn tiền của bà H không phải sử dụng cho gia đình. Bà có việc làm với thu nhập ổn định đủ chi phí sinh hoạt cho bản thân và con nhỏ, gia đình không gặp khó khăn về kinh tế, giữa vợ chồng thường mâu thuẫn nên ông N sinh hoạt bằng nguồn lương của mình, không cung cấp kinh tế nuôi con, riêng các chi phí ăn uống do vợ chồng sống chung với cha, mẹ nên được ông, bà lo cho. Khi ông N bỏ đi, bà H chưa lần nào gặp hoặc liên lạc thông báo cho bà biết việc ông N vay số tiền nêu trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn N phải hoàn trả cho bà Lâm Ngọc H số tiền vay là 60.000.000 đồng và lãi, không chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà T có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà H là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo qui định tại khoản 3 Điều₂26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ

luật dân sự. Bị đơn Huỳnh Vũ N có nơi cư trú tại ấp B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ mới, việc làm của bị đơn được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự. Do bị đơn vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự nêu trên

[2] Về nội dung: Bà H yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Vũ N, bà Nguyễn Thị Thu T liên đới trả số tiền vay 60.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/3/2019 theo mức lãi 1,66%/tháng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H đã cung cấp cho Tòa án: Biên nhận ngày 01/02/19 âm lịch và yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của ông N trên biên nhận. Tòa án thực hiện trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông Huỳnh Vũ N trên “Biên nhận ngày 01/02/19 âm lịch” và tại bản kết luận giám định số 247/PC09-GĐ ngày 20/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: *“Chữ ký mang tên Huỳnh Vũ N trên Biên nhận ngày 01/02/19 âm lịch tài liệu cần giám định so với chữ ký của Huỳnh Vũ N trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra. Chữ viết các từ “Huỳnh Vũ N” tại dòng 2 và dòng 11 trên Biên nhận ngày 01/02/19 âm lịch tài liệu cần giám định so với chữ viết của Huỳnh Vũ N trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra”*. Như vậy, có căn cứ xác định ông N đã vay tài sản của bà H, số tiền 60.000.000 đồng.

[3] Xét nội dung “Biên nhận ngày 01/02/19 âm lịch” không thỏa thuận thời hạn vay nhưng có ghi nhận lãi hàng tháng nên xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Theo khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào....”*. Bị đơn không cung cấp chứng cứ cho việc đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay nên yêu cầu của bà H buộc ông N trả tiền vay là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự.

[4] Về tiền lãi: Do các bên có thỏa thuận lãi hàng tháng nên việc bà H yêu cầu người vay trả tiền lãi với lãi suất là 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm) là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông N có trách nhiệm trả tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử là 32.635.600 đồng (60.000.000 đồng x 1.66% x 02 năm 08 tháng 23 ngày), trừ số tiền đã trả 2.100.000 đồng thì ông N còn phải trả số tiền lãi là 30.535.600 đồng.

[5] Về trách nhiệm liên đới: Theo “Biên nhận” ngày 01/02/19 âm lịch, người

vay tiền là ông Huỳnh Vũ N và trong nội dung thỏa thuận có ghi “*vay để sử dụng chung trong gia đình*”. Bà T không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với ông N trả số tiền vay, lý do bà không vay tiền của bà H và ông N vay tiền không phải sử dụng cho gia đình. Theo khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản khi “*Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”. Xét thấy, vợ chồng ông N và bà T đều có việc làm với nguồn thu nhập ổn định nên việc đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt của một gia đình là không khó khăn. Mặt khác, bà H không cung cấp chứng cứ chứng minh bà T có cùng với ông N vay tiền và không có cơ sở xác định ông N vay số tiền trên để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về buộc bà T có trách nhiệm liên đới với ông N trả tiền vay và lãi.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[7] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466; Điều 469; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Huỳnh Vũ N có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lâm Ngọc H số tiền 90.535.600 đồng, gồm tiền vốn 60.000.000 đồng và tiền lãi 30.535.600 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trách nhiệm liên đới của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Vũ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.526.780 đồng. Hoàn trả cho bà Lâm Ngọc H tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.921.000

đồng theo biên lai thu số 0008301 ngày 25/2/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Trần Thị Thanh Mai